TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 10/10/2019.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đới Văn Học.

Các hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Xuân Hinh.
Bà Lê Thị Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tham gia phiên tòa: Bà My La – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2018/TLST- HNGĐ ngày 09/7/2018 về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/9/2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị C; sinh năm 1972.
Địa chỉ: Số 11 thôn 8, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đinh Văn S – Công ty Luật TNHH pháp lý Việt – Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lương Văn D; sinh năm 1972.
Địa chỉ: Số 11 thôn 8, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bà C, ông D có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, bà Trương Thị C trình bày: Bà và ông D tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 01/1987, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi nhau, đánh nhau. Từ đầu năm 2016 đến nay đã sống ly thân. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Lương Thị T, sinh năm 1989;

Lương Thị , sinh năm 1991; Lương Kim O, sinh năm 1993 và Lương Văn H, sinh năm 1994, hiện nay các con đã trưởng thành và hoàn toàn khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng đã tự thỏa thuận chia một số tài sản chung, phần của ai người đó đã tự quản lý. Hiện chỉ còn lại 01 căn nhà trên diện tích đất 962m^2 thửa 105 tờ bản đồ 43 xã G; Tài sản cho vay chung và tài sản nợ chung không có. Khi ly hôn yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bà C trình bày tài sản đang tranh chấp vợ chồng đã cho con một phần nên bà rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản.

Theo lời khai, lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, ông Lương Văn D trình bày: Công nhận lời trình bày của bà C về quan hên hôn nhân, con chung và tài sản như trên là đúng.

Vợ chồng chung sống có mâu thuẫn và đã sống ly thân. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà C.

Khi ly hôn các con đều đã trưởng thành và hoàn toàn khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng đã tự thỏa thuận chia một số tài sản chung, phần của ai người đó đã tự quản lý. Đối với căn nhà và diện ích đất 962m^2 thửa 105 tờ bản đồ 43 xã G do mẹ ông là bà Lê Thị T mua cho nếu ly hôn ông đề nghị chia tài sản này thành 3 phần, ông một phần, bà C một phần và bà T là mẹ ông một phần. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà C rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản ông cũng đồng ý.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 11, 85, 87 Luật hôn nhân năm 2000 và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, không công nhận bà C và ông D là vợ chồng; đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà C; bà C chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông D tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 01/1987, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi nhau, đánh nhau. Từ đầu năm 2016 đến nay đã sống ly thân, Cả hai bên cùng xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, bà C xin ly hôn, ông D cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà C. Xét thấy, bà C và ông D không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chung sống với nhau như vợ chồng, hiện nay có mâu thuẫn, đã sống ly thân và không còn tình cảm

với nhau. Căn cứ Khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xử không công nhận là vợ chồng giữa bà C và ông D là phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Lương Thị T, sinh năm 1989; Lương Thị L, sinh năm 1991; Lương Kim O, sinh năm 1993 và Lương Văn H, sinh năm 1994, hiện nay các con đều đã trưởng thành và hoàn toàn khỏe mạnh nên không đề cập giải quyết là phù hợp.

[3] Về tài sản: Vợ chồng đã tự thỏa thuận chia tài sản chung, bà C rút yêu cầu chia tài sản đối với căn nhà và diện ích đất 962m^2 thửa 105 tờ bản đồ 43 xã G nên đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà C là phù hợp.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà C đã nộp 500.000đ tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã được thanh quyết toán chi phí hợp lý. Tại phiên tòa hôm nay bà C tự nguyện chịu toàn bộ nên không đề cập giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bà C phải chịu 300.000đ án phí DSST xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trương Thị C và ông Lương Văn D là vợ chồng.

2) Về tài sản: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung đối với căn nhà và diện ích đất 962m^2 thửa 105 tờ bản đồ 43 xã G của bà Trương Thị C.

3) Về án phí: Bà C chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.050.000đ theo biên lai thu số 0009113 ngày 09/07/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh. Hoàn trả cho bà C số tiền 3.750.000đ tạm ứng án phí còn thừa.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Các đương sự (để thi hành)
- Chi cục THADS Di Linh;
- UBND xã Gia Hiệp;
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đới Văn Học